

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 04 (Đợt 2)

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 23 – 24/04/2021

Ngày cung cấp TT: 24/04/2021

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống đóng.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống đóng.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống đóng.
4	4	Cống sông Chanh	Cống đóng.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cỏ Đam	Cống mở.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Cống đóng.
11	14	Đập La Chợ	Đập mở.
12	15	Đập Biên Hòa	Đập đóng.
13	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2: **Không có vị trí nào.**

A2 - Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B1 và B2: **Không có vị trí nào.**

B1 - Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2: **Cổng Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đàm, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Biên Hòa, Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy).**

B2 - Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên**

Các vị trí không đạt các hạng trên - Cần áp dụng xử lý đạt các hạng trên trước khi dùng cho các mục đích khác nhau: **Cổng Sông Chanh, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh C19, Đầu kênh T6.**

Tăng cường tận dụng khi mực nước triều trên sông Hồng, sông Đào và sông Đáy cao đưa vào trao đổi nước trong hệ thống. Tăng cường lấy nước từ Hữu Bị nhằm cải thiện chất lượng nước trên trục sông Châu Giang và mở đập An Bài tiếp nước vào cải thiện chất lượng nước trên sông Sắt.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2015 A1		6 – 8.5		6		0.3		
		QCVN 08:2015 A2		6 – 8.5		5		0.3		
		QCVN 08:2015 B1		5.5 – 9		4		0.9		

QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9		
1	Cổng Như Trắc	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trắc tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, $t^{\circ} = 29^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 86%, gió ĐN 30 km/h, mật độ mây 90%. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.	6.47	18.6	4.35	0.2	0.357	337	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép hạng B1
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, $t^{\circ} = 28^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 89%, gió ĐN 32 km/h, mật độ mây 91%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	6.87	14.3	4.36	0.3	0.637	413	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép hạng B1
3	Cổng Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, $t^{\circ} = 26^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 100%, gió ĐN 23 km/h, mật độ mây 90%. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn, trạm bơm đang hoạt động lấy nước tưới. Nước màu xanh vàng.	6.93	27.3	4.7	0.3	0.839	486	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép hạng B1
4	Cổng Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, $t^{\circ} = 26^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 98%, gió ĐN 25 km/h, mật độ mây 91%. Cống đóng, không có dòng chảy, mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Nước màu vàng lục.	6.71	26.1	3.59	0.4	1.259	584	Giá trị Amoni quan trắc vượt giới hạn cho phép hạng B2
5	Cổng Nhâm Trạng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm	Trời nắng, $t^{\circ} = 30^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 89%, gió ĐN 19 km/h, mật độ mây	8.05	5.1	5.68	0.4	0.746	532	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		0.3			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		0.3			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		0.9			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		0.9			
		Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	90%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mục nước ngoài sông thấp hơn. Nước màu xanh vàng.						Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép hạng B1	
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 30°C, độ ẩm 88%, gió ĐN 20 km/h, mật độ mây 85%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mục nước ngoài sông thấp hơn. Nước màu xanh vàng. Thượng lưu cống có nhiều bèo.	6.77	27.6	5.27	0.4	0.715	552	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép hạng B1
7	Cống Cổ Đàm	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đàm, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng, t° = 29°C, độ ẩm 88%, gió ĐN 21 km/h, mật độ mây 85%. Dòng chảy vừa, cống mở, đang tiêu nước ra sông. Nước màu xanh vàng.	7.56	47.4	5.43	0.3	0.855	458	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép hạng B1
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 27°C, độ ẩm 94%, gió ĐN 27 km/h, mật độ mây 90%. Không có dòng chảy, cống đóng. Khu vực lấy mẫu đang làm lại	7.27	29.7	5.28	0.3	0.995	475	Giá trị Amoni quan trắc vượt giới hạn cho phép hạng B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		0.3			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		0.3			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		0.9			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		0.9			
			cổng. Nước màu vàng lục.							
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, đổ vào kênh lấy nước trạm bơm Cốc Thành.	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 99%, gió ĐN 24 km/h, mật độ mây 91%. Dòng chảy chậm về hướng sông Chanh. Nước màu vàng lục.	6.54	28.2	5.39	0.4	1.064	527	Giá trị Amoni quan trắc vượt giới hạn cho phép hạng B1
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời âm u, t° = 30°C, độ ẩm 86%, gió ĐN 26 km/h, mật độ mây 89%. Nước đứng. Chân cầu có rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.	7.16	24.1	5.27	0.3	0.963	416	Giá trị amoni quan trắc vượt giới hạn cho phép hạng B1
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, t° = 27°C, độ ẩm 94%, gió ĐN 27 km/h, mật độ mây 90%. Nước đứng, không có dòng chảy. Chân cầu có rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.	7.12	30.2	5.16	0.3	0.567	434	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép hạng B1
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời âm u, t° = 30°C, độ ẩm 87%, gió ĐN 28 km/h, mật độ mây 87%. Không có dòng chảy, đập đóng. Mực nước sông Châu Giang cao hơn. Nước màu vàng	6.28	18.6	5.17	0.3	0.637	465	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép hạng B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9		
			lục.							
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời nắng nhẹ, t° = 31°C, độ ẩm 83%, gió ĐN 24 km/h, mật độ mây 85%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước sông Đáy cao hơn. Nước màu xanh xám.	6.28	22.3	5.26	0.3	1.298	472	Giá trị Amoni quan trắc vượt giới hạn cho phép hạng B1
14	Đập La Chờ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời âm u, t° = 28°C, độ ẩm 89%, gió ĐN 30 km/h, mật độ mây 91%. Nước đứng, không có dòng chảy. Chân đập có rác thải. Nước màu vàng lục.	6.86	24.2	5.85	0.2	0.614	356	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép hạng B1
15	Đập Biên Hòa	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.	Trời âm u, t° = 30°C, độ ẩm 86%, gió ĐN 26 km/h, mật độ mây 89%. Không có dòng chảy, đập đóng. Mực nước thượng lưu cầu Ghéo thấp hơn. Nước màu xanh lục.	7.18	20.6	5.06	0.3	0.575	482	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép hạng B1
16	Đập Vù (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời âm u, t° = 29°C, độ ẩm 89%, gió ĐN 30 km/h, mật độ mây 92%. Không có dòng chảy,	6.01	26.9	4.26	0.4	0.901	489	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		0.3			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		0.3			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		0.9			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		0.9			
			cống đóng. Nước màu vàng lục.							cho phép hạng B1
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời âm u, t° = 29°C, độ ẩm 88%, gió ĐN 29 km/h, mật độ mây 88%. Nước đứng, không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải chăn nuôi xã Ngọc Lũ. Nước màu vàng lục.	6.38	30.2	4.24	0.3	1.064	461	Giá trị Amoni quan trắc vượt giới hạn cho phép hạng B1
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 29°C, độ ẩm 88%, gió ĐN 23 km/h, mật độ mây 82%. Dòng chảy chậm hướng về ngã 3 Kinh Thủy – Biên Hòa. Nước màu xanh vàng.	7.96	59.5	5.73	0.4	0.676	534	Giá trị các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép hạng B1
19	Đầu kênh C19	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 98%, gió ĐN 25 km/h, mật độ mây 91%. Nước đứng, không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải của khu công nghiệp Bảo Minh. Nước màu vàng lục.	6.86	37.2	4.74	1.1	1.313	1270	Giá trị Amoni quan trắc vượt giới hạn cho phép hạng B1
20	Đầu kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước kênh T6 trước khi đổ vào sông	Trời âm u, t° = 29°C, độ ẩm 89%, gió ĐN 30 km/h, mật độ mây	6.64	29.3	6	0.3	0.995	481	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2015 A1		6 – 8.5		6		0.3		
		QCVN 08:2015 A2		6 – 8.5		5		0.3		
		QCVN 08:2015 B1		5.5 – 9		4		0.9		
		QCVN 08:2015 B2		5.5 – 9		2		0.9		
		Tiên Hương.	92%. Dòng chảy vừa hướng về sông Tiên Hương. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải từ hộ chăn nuôi. Nước màu vàng lục.							Giá trị Amoni quan trắc vượt giới hạn cho phép hạng B1

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2021

ĐƠN VỊ QUAN TRẮC